

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17 – 6 - 2019

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lựu.
- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Ngọc Sơn;
2. Bà Phạm Thị Lợi.

- **Thư ký phiên Tòa:** Ông Phạm Quốc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:**

Ông Nguyễn Văn Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2019/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn: Võ Thị Mỹ L**, sinh năm 1985. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T T , xã T Đ, huyện B Đ, tỉnh T

2. **Bị đơn: Trương Thế K**, sinh năm 1978. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H C, xã C H, huyện B Đ, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2019 và những lời trình bày tiếp theo, nguyên đơn chị Võ Thị Mỹ L trình bày:*

Chị và anh K cưới nhau vào năm 2005 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 22, ngày 15/4/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Châu Hưng, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống có hạnh phúc đến tháng 3 năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh K có người phụ nữ khác bên ngoài và mâu thuẫn với gia đình bên

chồng. Chị và anh K đã ly thân từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay. Do anh K đã gây tổn thương cho chị quá lớn, trước đây chị nghĩ cho con, do con còn nhỏ nên chị chưa ly hôn. Nay con chị đã lớn để hiểu được cho chị và chị cũng không còn tình cảm với anh K nên chị yêu cầu ly hôn với anh K.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Nhựt H, sinh ngày 04/01/2005. Hiện con chung đang sống chung với anh K, sau khi ly hôn thì con có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi. Nay cháu K có nguyện vọng sống với anh K thì chị cũng đồng ý để anh K nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Tại biên bản hoà giải ngày 15/05/2019 và tại phiên toà bị đơn anh Trương Thế K trình bày:*

Anh và chị L cưới nhau vào năm 2005 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 22, ngày 15/4/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Châu Hưng, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống vợ chồng diễn ra bình thường không có mâu thuẫn gì lớn, việc chị L nói anh có người phụ nữ khác bên ngoài thì đó chỉ là quan hệ bạn bè chứ không có mối quan hệ bất chính, hiện tại anh cũng không còn qua lại với người phụ nữ đó nữa, còn mâu thuẫn giữa mẹ chồng và nàng dâu thì đó chỉ là những cãi vã nhỏ nhất trong gia đình do không cùng quan điểm. Anh và chị L đã ly thân từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay. Nay qua yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh thì anh không đồng ý vì anh còn thương chị L, hiện tại chị L đang điều trị bệnh nên anh muốn trị bệnh cho chị L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Nhựt H, sinh ngày 04/01/2005. Hiện con chung đang sống chung với anh, nếu vợ chồng ly hôn thì anh có nguyện vọng nuôi cháu H, không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định, xác định đúng quan hệ tranh chấp.

Về thu thập chứng cứ: Theo đúng quy định của pháp luật.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Có đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật.

Những người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị HĐXX Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Mỹ L đối với anh Trương Thế K.

Về con chung: Anh Trương Thế K được nuôi con chung tên Trương Nhựt H, sinh ngày 04/01/2005. Ghi nhận sự tự nguyện anh K nuôi con chung không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Võ Thị Mỹ L và anh Trương Thế K kết hôn vào năm 2005, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Hưng vào năm 2005 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng đến tháng 3/2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chị L cho rằng anh K có người phụ nữ khác bên ngoài, và mâu thuẫn với gia đình bên chồng nhưng anh K cho rằng việc anh quen người nữ khác chỉ là mối quan hệ bạn bè, còn mâu thuẫn với gia đình chồng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt. Tuy nhiên anh chị đã ly thân từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai, giữa chị L và anh K không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, tại phiên Tòa hôm nay anh K không đồng ý ly hôn với chị L nhưng từ lúc vợ chồng ly thân anh K không có đưa ra được biện pháp, cũng như liên lạc với chị L để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm và chị L cũng kiên quyết ly hôn vì xác định không còn tình cảm với anh K, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh K là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. *Về con chung:* Quá trình chung sống chị L, anh K có 01 con chung tên Trương Nhựt H, sinh ngày 04/01/2005, anh K yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ trước đến nay cháu H đều sống chung với anh K và anh K nuôi con chung vẫn phát triển bình thường, cháu H cũng có nguyện vọng sống chung với anh K nên nhằm ổn định về tinh thần của con chung anh chị. Do đó, để anh K nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của anh K; Ghi nhận sự tự nguyện việc anh K nuôi con chung không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

[3]. *Về tài sản chung:* Không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4]. *Về nợ chung:* Không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. Đối với lời trình bày của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. *Về án phí :* Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí Hôn nhân sơ thẩm: chị Võ Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Mỹ L đối với anh Trương Thế K. Chị Võ Thị Mỹ L được ly hôn với anh Trương Thế K.

[2]. Về con chung:

Anh Trương Thế K được nuôi con chung tên Trương Nhựt H, sinh ngày 04/01/2005, sự thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của cháu H.

Ghi nhận sự tự nguyện anh Trương Thế K nuôi con chung không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Chị L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Anh K trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung: Không có, nên không xét đến.

[4]. Về nợ chung: Không có, nên không xét đến.

[5]. Về án phí:

- Án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Võ Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001530 ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Vậy chị Võ Thị Mỹ L đã nộp đủ án phí.

Chị Võ Thị Mỹ L, anh Trương Thế K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV-THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Châu Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)
Nguyễn Thị Lựu**